

Bản án số: 1373/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Hồng Hương**

2. Ông **Nguyễn Tất Năm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-HN ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Hoàng Kim N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: 199/6/6 đường Tân Phước, phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 35 Loney Avenue North York Ontario M3L 1G2 Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Bùi Hoàng Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc D quen biết nhau do người quen giới thiệu, sau đó hai bên tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2728 quyền số 14 ngày 17/11/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian khoảng một tháng thì ông Nguyễn Ngọc D quay về Canada. Sau đó ông Dung quay lại Việt Nam lần 2 thì con chung được 04 tháng tuổi. Tháng 9/2016, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu nhau ngắn, vợ chồng sống cách xa nhau, không nhận được sự quan tâm dẫn đến tình cảm rạn nứt,

không còn tin tưởng và tôn trọng nhau. Từ đó vợ chồng không liên lạc và ông Dung cũng không về nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu được giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Kim Thư, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang ở với mẹ. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông Dung cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 12/8/2017 của bị đơn ông Nguyen Ngoc D được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada chứng nhận ngày 22/8/2017 có nội dung như sau:

Ông và bà Ngân kết hôn với nhau vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2728 quyển số 14 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong thời kỳ hôn nhân từ năm 2014 đến 2016, ông có về Việt Nam thăm 02 lần, mỗi lần về ở 06 tuần. Thời gian chung sống quá ngắn ngủi, xa nhiều hơn là gần, quan điểm và suy nghĩ giữa hai bên rất khác biệt nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hơn nữa giấy tờ bảo lãnh bị chờ đợi lâu nên bà Ngân không muốn chờ để sang Canada nữa. Ông cảm nhận tình cảm vợ chồng không thể kéo dài. Việc bà Ngân yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: xác nhận có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Kim Thư, sinh ngày 28/8/2015; hai bên đã thỏa thuận bà Ngân trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con, nếu bà Ngân không còn khả năng nuôi con thì giao lại cho ông tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Bùi Hoàng Kim N, bị đơn Nguyen Ngoc D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Hoàng Kim N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Nguyen Ngoc D cư trú tại Canada; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm: các bên đương sự đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Bùi Hoàng Kim N và ông Nguyen Ngoc D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 2728 Quyển số 14 ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của cả đôi bên thì sau khi kết hôn ông Nguyen Ngoc D quay trở về Canada sinh sống, vợ chồng chỉ sống chung khi ông Dung về Việt Nam thăm vợ. Thời gian sống chung giữa vợ chồng rất ngắn, sau khi có con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc bà Ngân yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Đôi bên xác nhận có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Kim Thu, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang ở với bà Ngân. Khi ly hôn bà Ngân có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông Dung cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của ông Nguyen Ngoc D đồng ý giao con cho bà Ngân trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con của đôi bên đảm bảo quyền lợi cho người con được sống ổn định, được phát triển về tinh thần lẫn thể chất; Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà Ngân tự nguyện không yêu cầu do bà có khả năng lo cho con. Xét ý kiến bà Ngân là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đôi bên khai không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Hoàng Kim N được ly hôn ông Nguyen Ngoc D.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 2728 quyển số 14 ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao bà Bùi Hoàng Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Ngọc Kim Thu, sinh ngày 28/8/2015. Ghi nhận việc bà Bùi Hoàng Kim N tự nguyện không yêu cầu ông Nguyen Ngoc D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Bùi Hoàng Kim N nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Ngân đã nộp tại Biên lai thu số 0034346 ngày 05/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ngân đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Hoàng Kim N và bị đơn ông Nguyen Ngoc D; bà Bùi Hoàng Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Nguyễn Ngọc Dung được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Hương

Nguyễn Tất Năm

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Thị Nhung